

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 93/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 12, ngày 13 tháng 02 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1575/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc “*Xin ly hôn*”, giữa:

*Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1983

Địa chỉ thường trú: 1 L, Phường I, Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ tạm trú: A đường T, Tổ D, Khu phố D, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn: Anh Vương Văn C, sinh năm 1984

Địa chỉ thường trú: Xóm C, xã X, huyện S, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ tạm trú: A đường T, Tổ D, Khu phố D, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 55, 58, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Vương Văn C.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Vương Văn C thuận tình ly hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 97 ngày 01/9/2010 của Ủy ban nhân dân phường I, Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2.2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Vương Minh N, sinh ngày 23/6/2011 và Vương Đình N, sinh ngày 26/01/2019. Hai bên thỏa thuận chị Nguyễn Thị Ngọc M nuôi hai con chung là cháu Nguyễn Vương Minh N, sinh ngày 23/6/2011 và Vương Đình N, sinh ngày 26/01/2019 và anh Vương Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 (*một triệu*) đồng/tháng/con cho đến khi các con chung lần lượt tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 01/03/2020.

Việc giao nhận tiền do các đương sự tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày chị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh C không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con hàng tháng thì anh C còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Anh Vương Văn C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh Vương Văn C thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2.4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 (*một trăm năm mươi ngàn*) đồng và án phí cấp dưỡng là 150.000 (*một trăm năm mươi ngàn*) đồng chị Nguyễn Thị Ngọc M tự nguyện nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo biên lai thu số 0107882 ngày 10/12/2019. Chị Nguyễn Thị Ngọc M đã nộp xong án phí hôn nhân và án phí cấp dưỡng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Quận 12;
- THADS Quận 12;
- UBND phường nơi đăng ký kết hôn;
, Quận 12;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ THANH THẢO

